

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 3 - 2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tnh Hùng,

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Tnh Hoàng,

- Ông Lê Văn Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Kim Sol, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang Tm gia phiên toà:** Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 273/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 và Thông báo Ty đổi thời gian xét xử số 10/2026/TB-TA ngày 24 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Neáng Sóc K, sinh năm 1990; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 1, ấp V, xã A, tỉnh A;

- **Bị đơn:** Anh Chau Quy T, sinh năm 1994; địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, xã N, tỉnh A.

- **Người phiên dịch:** Ông Chau Xi Nê.

Chị Neáng Sóc K có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Chau Quy T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời Ki trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Neáng Sóc K trình bày: Chị và anh T tự tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (nay là xã An Cư, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận số 96 ngày 26/11/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm công nhân tại tỉnh Long An, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Hiện chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chau Quy T.

Quá trình chung sống, chị và anh T không có con chung.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được, do Chau Quy T vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Người Tm gia tố tụng gồm nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà K và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (nay là xã An Cư, tỉnh An Giang), nên hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân, làm cho hôn nhân của bà K và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc bà K yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị K và anh T không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn có nơi cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành.

[1.2] Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Neáng Sóc K và anh Chau Quy T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (nay là xã An Cư, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận số 96 ngày 26/11/2020, nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng hiện tại chị K và anh T đã không sống chung với nhau gần 04 năm, căn cứ theo Biên bản xác minh tại ấp A, xã N, tỉnh A, nhưng không biết việc mâu thuẫn gia đình của chị K và anh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, cũng như xét xử vụ án, anh T vắng mặt, từ đó cho thấy anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên hôn nhân giữa chị K và anh T không hạnh phúc, kéo dài sẽ gây đau khổ cho nhau, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Chị K và anh T không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Neáng Sóc K, chị Neáng Sóc K được ly hôn với anh Chau Quy T;

Chị Neáng Sóc K phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0005894 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; Chị Neáng Sóc K đã nộp đủ án phí.

Anh Chau Quy T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Neáng Sóc K và anh Chau Quy T được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- Phòng TDS khu vực 14 – An Giang;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tnh Hùng

